TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/DS - PT
Ngày: 08/5/2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Trần Quốc Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2022/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1172/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T; sinh ngày 14/6/1968; địa chỉ: thôn 3 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn M; sinh năm 1945; địa chỉ: thôn 2 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Hoàng Dũng H, địa chỉ: thôn 2 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đơn do ông Hồ Duy P- Phó phòng TNMT huyện T, là người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện T, ký ngày 04/5/2023).

**** Người kháng cáo:*** bị đơn ông Hoàng Văn M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T trình bày: Ngày 30/12/2005 bà được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn cho hộ gia đình và cá nhân tại thửa đất số 7, theo sơ đồ quy hoạch, diện tích 250 m², loại đất đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng đất: Lâu dài. Giấy chứng nhận mang số phát hành AC 279546, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: CH 00003 cấp ngày 30/12/2005, do UBND huyện T cấp mang tên Phạm Thị Hồng T. Vị trí khu đất giới hạn như sau: phía Bắc giáp lô đất số 6, phía Nam giáp đường liên thôn (đường rộng 4m), phía Đông giáp đường liên thôn (đường rộng 4m), phía Tây giáp thổ cư ông M. Ngày 10/12/2006 thực hiện theo Dự án đo đạc cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất bà làm Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 244,3 m², địa chỉ: thôn 3 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Giấy chứng nhận được cấp đổi mang số phát hành CĐ 259939, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất CH 01992, do UBND huyện T, cấp ngày 24/10/2017 mang tên Phạm Thị Hồng T. Sau khi được giao cấp đất, do điều kiện bố của bà đau ốm nên bà chưa có điều kiện để làm nhà mà phải ở với bố để chăm sóc. Đầu tháng 7/2021, bà ra thửa đất dọn dẹp lại như thường lệ hằng năm thì ông Hoàng Văn M không cho dọn vì vậy đã làm đơn khiếu nại lên UBND xã Đức Hoá. Ngày 01/12/2021, UBND xã Đức Hoá đã thành lập Hội đồng hoà giải nhưng không thành. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Hoàng Văn M phải trả lại mặt bằng diện tích 244,3 m’ đất ở đã chiếm đoạt của bà và để bà sử dụng theo mục đích mà nhà nước đã giao đất, thu tiền sử dụng đất của tôi theo quy định của Luật đất đai, tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 244,3 m’.

- Tự tháo dỡ và di chuyển số cây Keo và các loại cây khác đã trồng trên thửa đất của bà.

Ý kiến của bị đơn ông Hoàng Văn M: Ngày 18/01/2022, ông có đơn phản tố đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T với lý do: Đất hiện nay Bà T đang khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng với gia đình ông là đất mà gia đình ông đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 1990 đến nay và hiện nay gia đình ông vẫn đang là người sử dụng đất; từ trước đến nay chưa có cơ quan quản lý nhà nước nào có ý kiến gì với gia đình ông về việc sử dụng đất, chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền nào thu hồi đất ông đang sử dụng cũng như bồi thường cho gia đình ông; bà T cho rằng được UBND huyện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất ông đang sử dụng là vấn

đề ông hoàn toàn không biết vì đất ông đang sử dụng chưa có ai thu hồi như đã nói trên.

Khi được Bà T cho biết được UBND huyện cấp giấy QSD đất trên đất ông đang sử dụng, ông đã gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện để yêu cầu thu hồi vì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T do không đúng pháp luật. Theo quy định tại Điều 32 Luật đất đai năm 2003 và nay là Điều 53 Luật đất đai năm 2013 thì việc Nhà nước giao đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất và phải thực hiện xong việc bồi thường theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ quy định của pháp luật về đất đai thì việc UBND huyện T giao đất và cấp giấy QSD đất cho bà T trên phần đất gia đình ông đang sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay mà chưa thu hồi đất là vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Như vậy, Nhà nước đã cấp đất cho bà T với diện tích 250m² có chồng lấn lên phần đất 154m² được Hợp tác xã Đ giao cho ông canh tác từ năm 1990 cho đến nay. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án tuyên hủy cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà T, buộc UBND huyện phải thu hồi quyết định giao đất và hủy Giấy CNQSD đất đã cấp không đúng pháp luật cho Bà T.

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T - Ông Hồ Duy P: Qua bản tự khai ngày 08/4/2022, ông Phi trình bày: Sau khi kiểm tra bản đồ, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận đất ở cho hộ gia đình bà Phạm Thị Hồng T, thôn Đ 3, xã Đ, ngày 30/12/2005, hộ bà Phạm Thị Hồng T được UBND huyện T cấp đất tại Quyết định số 3394/QD-UBND về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn cho hộ gia đình cá nhân tại thửa đất số 07, sơ đồ quy hoạch, diện tích đất ở 250 m². Thời hạn sử dụng: lâu dài. Số phát hành giấy CNQSD đất AC 279546, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất CH 00003 (về nguồn gốc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo Bản đồ quy hoạch chi tiết khu dân cư nông thôn cho xã Đ, huyện Tuyên hóa đã phê duyệt ngày 219/2004), địa chỉ tại thôn 3 Đ, xã Đ, huyện T. Hồ sơ giao đất và cấp giấy CNQSD đất ở, sơ đồ giao đất quyền sử dụng gồm Quyết định cấp đổi giấy. Ngày 10/12/2006, bà Phạm Thị Hồng T làm đơn xin cấp lại, CNQSD đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 250 m², đất ở. UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà Phạm Thị Hồng T, tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 250 m' đất ở. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QDS đất H00740.

Theo bản khai của ông Hoàng Văn M, khi cấp đất cho bà Phạm Thị Hồng T, ông đã nhiều lần gửi đơn đến cấp xã và huyện yêu cầu giải quyết nhưng thực tế hồ sơ lưu trữ ở xã và huyện không có đơn khiếu nại nào của ông Hoàng Văn

M (chỉ có đơn sau khi có tranh chấp sau ngày 02/8/2021, đơn của bà T khi ông M trồng cây lấn chiếm đất của bà T).

Ngày 02/8/2021, bà T làm đơn khiếu nại lên UBND xã Đ. Ngày 13/8/2021, UBND xã Đức Hoá mời ông M lên làm việc. Ngày 01/12/2021, UBND xã Đức Hoá đã thành lập tổ kiểm tra. Ngày 8/12/2021, UBND xã làm việc với hộ ông Hoàng Văn M đã lập biên bản: Yêu cầu ông Hoàng Văn M tự di chuyển toàn bộ cây trồng ra khỏi phạm vi thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, trả lại mặt bằng hiện trạng thửa đất như ban đầu chậm nhất trước ngày 12/12/2021.

Quy trình được thực hiện đúng trình tự được quy định tại Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về thi hành Luật đất đai.

***Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:**

- *Thẩm định tại chỗ:* Thửa đất số 25 tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn 2 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà Phạm Thị Hồng T ngày 10/7/2007, diện tích 250m², cấp đổi ngày 24/10/2017, diện tích 244,3m² có các điểm tọa độ cụ thể như sau:

+ Điểm 1: X= 1972611.82; Y= 512899.16;

+ Điểm 2: X= 1972607.14; Y= 512910.77;

+ Điểm 3: X= 1972632.15; Y= 512909.91;

+ Điểm 4: X= 1972632.80; Y= 512899.63;

Độ dài các cạnh của thửa đất là:

+ Từ điểm 1 đến điểm 2 hướng chính Nam có chiều dài 12.52m giáp đất giao thông.

+ Từ điểm 2 đến điểm 3 hướng chính Đông có chiều dài 25.02m giáp đất giao thông.

+ Từ điểm 3 đến điểm 4 hướng chính Bắc có chiều dài 10.30m giáp đất ở của ông Vị.

+ Từ điểm 4 đến điểm 1 hướng chính Tây có chiều dài 20.99m giáp đất ở của ông Sơn.

- *Định giá tài sản:* Gồm các loại cây được trồng trên đất:

+ 98 cây keo có giá 980.000 đồng.

+ 03 cây chuối có giá 75.900 đồng.

+ 01 cây hoa sứ có giá 106.300 đồng.

+01 cây ổi có giá 313.000 đồng

+ Hàng rào chè dài 10m, giá 46.200đ/m. Có giá trị là 46.200đ x 10 = 462.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 1.937.200 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS – ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 273, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/20169/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 36 Luật đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001); Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai) Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 105, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T về việc buộc ông Hoàng Văn M phải trả lại diện tích 244,3m² đất ở của bà tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Hồng T.

Bà Phạm Thị Hồng T có trách nhiệm giao lại cho ông Hoàng Văn M số tiền 1.937.200 đồng giá trị số cây trên đất do ông M đã trồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 794915 do UBND huyện tuyên Hóa cấp cho bà Phạm Thị Hồng T tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 250m^2, tại địa chỉ Thôn 3 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2022, bị đơn ông Hoàng Văn M kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện T đã cấp không đúng theo quy định của pháp luật cho bà Thuỷ, để trả lại đất cho gia đình ông là người sử dụng hợp pháp lâu nay.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà; xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúcs thẩm huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện T đã cấp cho bà Thuỷ, trả lại diện tích đất cho ông Hoàng Văn M. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xét xử theo quy định.

[2.] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ngày 30/12/2005, hộ bà Phạm Thị Hồng T được UBND huyện T cấp đất tại Quyết định số 3394/QD-UBND về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn cho hộ gia đình cá nhân tại thửa đất số 07, sơ đồ quy hoạch, diện tích đất ở 250m². Thời hạn sử dụng: lâu dài (về nguồn gốc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo Bản đồ quy hoạch chi tiết khu dân cư nông thôn cho xã Đ, huyện Tuyên hóa đã phê duyệt ngày 21/9/2004), địa chỉ tại thôn 2 Đ, xã Đ, huyện T. Phần đất này được quy hoạch đất ở nông thôn và đã được cấp cho 07 hộ dân, có 02 hộ dân đã làm nhà. Ngày 10/12/2006, bà Phạm Thị Hồng T làm đơn xin cấp lại, CNQSD đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 250m², đất ở. UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà Phạm Thị Hồng T, tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 250m^2 đất ở. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QDS đất H00740. Bà T được cấp đổi GCNQSD đất ngày 24/10/2017, diện tích 244,3m^2. Quy trình cấp GCNQSD đất được thực hiện đúng trình tự được quy định tại Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Như vậy thửa đất mà bà Phạm Thị Hồng T đứng tên sau nhiều lần được cấp đổi này là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9 thuộc thôn 2 Đ, xã Đ, huyện T. Quá trình cấp và cấp đổi đất không có bất kì tranh chấp nào. Vì vậy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T. Ông Hoàng Văn M phải trả lại diện tích đất đang lấn chiếm để sử dụng là hiện trạng trên đất ông Hoàng Văn M đã trồng một số cây trên đất, cây trồng khi đã xảy ra tranh chấp năm 2021, theo biên bản định giá ngày 16/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản xác định số trên đất có giá trị 1.937.200 đồng. Số cây trồng trên thửa đất chưa khai thác được nên giao cho bà T sở hữu và bà T phải có trách nhiệm trả lại cho ông M số tiền đối với số cây ông M đã trồng có giá trị 1.937.200 đồng, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Văn M về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T do cấp đất trên phần đất trước đây từ năm 1990, Hợp tác xã Đ giao cho gia đình ông canh tác với diện tích 154m², gia đình ông đã sử dụng ổn định liên tục, chưa có cơ quan Nhà nước nào thu hồi và bồi thường cho gia đình ông, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T gia đình ông không biết, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các hồ sơ tài

liệu chứng minh về quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Hoàng Văn M thấy rằng, ngày 20/10/1990, ông Hoàng Văn M được Ban quản lý Hợp tác xã Đ cấp loại đất canh tác diện tích 600m² tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 299). Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện T cấp đất ở cho hộ gia đình ông Hoàng Văn M với diện tích 1.200m² tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 299), đến năm 2007 do vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính nhập 02 thửa đất là thửa số 09, tờ bản đố số 5 diện tích 600m² (do Hợp tác xã Đ giao để canh tác vào năm 1998) với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.200m² với một phần diện tích của thửa đất số 02, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ số 299) được sát nhập thành thửa đất số 24, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.390m² trong đó 400m² đất ở và 1990m² đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Hoàng Văn M. Đến năm 2011, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 9 được tách thành 03 thửa. Quá trình sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông M không được giao phần diện tích đất đang có tranh chấp (năm 2005 đã được cấp cho bà T), gia đình ông M biết nhưng không có ý kiến hay khiếu nại gì. Quá trình sử dụng đất và kê khai để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông M không kê khai đối với thửa đất này. Thửa đất mà Hợp tác xã Đ giao cho ông M năm 1990 là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 không liên quan đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 05, diện tích 244,3m² cấp cho bà T.

Diện tích đất Nhà nước công nhận cho ông M là 2.390m² không chồng lấn lên phần đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Như vậy, yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn M không được chấp nhận.

[4]. Kèm theo đơn kháng cáo, ông Hoàng Văn M gửi kèm theo "Giấy cấp đất canh tác" (BL 165) và "Giấy xác nhận" (BL 166,167) nhưng đây không phải là tài liệu chứng cứ mới mà tài liệu này đã có trong hồ sơ vụ án (BL 35 và BL 56), đã được Toà án cấp sơ thẩm xem xét.

Từ những phân tích và lập luận trên thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 273, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/20169/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 36 Luật đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001); Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai) Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 105, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T về việc buộc ông Hoàng Văn M phải trả lại diện tích 244,3m² đất ở của bà tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Hồng T.

Bà Phạm Thị Hồng T có trách nhiệm giao lại cho ông Hoàng Văn M số tiền 1.937.200 đồng giá trị số cây trên đất do ông M đã trồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 794915 do UBND huyện tuyên Hóa cấp cho bà Phạm Thị Hồng T tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 9, diện tích 250m^2, tại địa chỉ Thôn 3 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

3. Về án phí phúc thẩm : Ông Hoàng Văn M phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Hoàng Dũng H (nộp thay ông M) đã nộp với số tiền 300.000 đồng tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 31AA/2021/0005115 ngày 25/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao H Nội;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường